

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 14/6/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và ông Trần Xuân Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2021/TLST-DS ngày 28/12/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST- DS ngày 27/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST- DS ngày 16/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S địa chỉ: Lầu 8 số 266 - 268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Minh T, bà T ủy quyền lại cho ông Trần Ngọc Đ - Nhân viên (theo Giấy ủy quyền số 11/2022/UQ-TTT ngày 14/02/2022); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Q, sinh năm 1957; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1 (trước là thôn 2), xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi đăng ký tạm trú: Số nhà 201/36B H, phường 4, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn trình bày ý kiến:

Ngày 24/07/2007 bà Q có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 34.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.981.054 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch. Cụ thể số tiền bà Quý nợ Ngân hàng đến ngày 27/09/2009 số tiền 86.799.786 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Q vi phạm hợp đồng, 90 ngày không thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 28/09/2009 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ bà Q còn thiếu tại thời điểm này số tiền là 86.799.786 đồng sang Nợ quá hạn, Ngân hàng xin được gọi là Nợ gốc (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 2.4%/ tháng trên số tiền Nợ quá hạn này (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Ngân hàng chỉ yêu cầu bà Q có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

Tính đến ngày 14/6/2022, bà Q còn nợ ngân hàng tổng cộng 409.209.706 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 86.799.786 đồng với lãi suất quá hạn là 2.4%/ tháng (1.6% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (từ ngày 28/09/2009) cho đến hiện tại. Cụ thể:

Lãi quá hạn = Số tiền lãi quá hạn 1 ngày x Số ngày nợ quá hạn

Trong đó:

- Số tiền lãi quá hạn 1 ngày = $(86.799.786 \times 2.4\%) / 30 = 69.440$ đồng.

- Số ngày nợ quá hạn: 4643 ngày (Từ ngày 28/09/2009 đến ngày 14/6/2022).

Lãi quá hạn = $69,440 \times 4,643 = 322.409.920$ đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Q, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà Q vẫn không

thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Lục giải quyết buộc Bà Trần Thị Q phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/6/2022 là 409.209.706 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 86.799.786 đồng.
- Lãi quá hạn: 322.409.920 đồng.

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Bị đơn bà Trần Thị Q:

Tại biên bản làm việc ngày 16/02/2022, giữa Tòa án nhân dân huyện Bình Lục với Ủy ban nhân dân xã B và Trưởng thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam, xác định: Bà Trần Thị Q có hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam, nhưng bà Q đã đi khỏi địa phương. Hiện nay, bà Q làm gì và cư trú ở địa chỉ nào địa phương không biết. Do bà Q chưa thực hiện thủ tục đăng ký tạm trú ở đâu nên xác nhận thông tin về cư trú thì bà Trần Thị Q vẫn có nơi ở hiện tại: thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng bà Q không có ý kiến, quan điểm và không đến Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn: ông Trần Ngọc Đ, nhân viên của Ngân hàng là người được ủy quyền lại làm đại diện của Ngân hàng TMCP S vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục có quan điểm: Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có lý do nên chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng các Điều 463, 464, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

2. Buộc bà Trần Thị Q phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tính từ ngày 28/9/2009 đến ngày 14/6/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, số tiền gốc: 86.799.786 đồng; Lãi quá hạn là 322.409.920 đồng; tổng số tiền là 409.209.706 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa pháp nhân có đăng ký kinh doanh và cá nhân vay với mục đích tiêu dùng, vì vậy đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Trần Thị Q, không còn đăng ký tạm trú ở số nhà 201/36B H, phường 4, quận T, thành phố Hồ Chí Minh và hiện chưa đăng ký tạm trú ở đâu. Theo xác nhận thông tin về cư trú thì bà Q có hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại là thôn 1 (trước là thôn 2), xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam, phù hợp với địa chỉ của bà Q được ghi trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tranh chấp trong vụ án thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bà Q đã đi khỏi địa phương và vắng mặt tại nơi cư trú. Hiện nay bà Q ở đâu, chính quyền địa phương không biết. Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì bà Q được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà Q đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy: Ngày 24/7/2007, bà Trần Thị Q và Ngân hàng TMCP S ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Hợp đồng được giao kết trên cơ sở thỏa

thuận và tự nguyện giữa các bên, nội dung, hình thức hợp đồng không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hoàn toàn hợp pháp.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 34.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.981.054 đồng. Căn cứ vào điều khoản của hợp đồng thì số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch. Cụ thể đến ngày 27/09/2009, bà Q còn nợ Ngân hàng số tiền 86.799.786 đồng.

Do bà Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ, nên ngày 28/09/2009 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ bà Q còn thiếu tại thời điểm này số tiền là 86.799.786 đồng sang nợ quá hạn hay gọi là nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 2.4%/ tháng trên số tiền Nợ quá hạn này (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Tính đến ngày 14/6/2022, bà Q còn nợ Ngân hàng tổng cộng 409.209.706 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 86.799.786 đồng.
- Lãi quá hạn: 322.409.920 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bà Q đã vi phạm các điều khoản quy định của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc bà Trần Thị Q phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trên và khoản lãi phát sinh từ ngày 15/6/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: 20.000.000 đồng + $(9.209.706đ \times 4\%) = 20.368.388$ đồng. Mặc dù tài liệu hồ sơ thể hiện, bị đơn bà Trần Thị Q, sinh năm 1957, nay là người cao tuổi nhưng do bà Q không có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nộp cho Tòa án nên không được xem xét.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.258.075 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 155, Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật

dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Trần Thị Q phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ tính đến ngày 14/6/2022 là 409.209.706đ (Bốn trăm linh chín triệu hai trăm linh chín nghìn bảy trăm linh sáu đồng), trong đó: Nợ gốc: 86.799.786 đồng, lãi quá hạn là 322.409.920 đồng. Bà Trần Thị Q còn phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 15/6/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định của Hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Q phải chịu 20.368.388đ (Hai mươi triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm tám mươi tám đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.258.075đ (Chín triệu hai trăm năm mươi tám nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai số AA/2019/0069246 ngày 26/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng TMCP S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Trần Thị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- Chi cục THADS quận T; TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng